

TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
Khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn Đăk Poi,
thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

(Kèm theo Quyết định số: 196 /QĐ-UBND
ngày 09 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 107°30'	
	X (m)	Y (m)
1	1.664.490,00	525.595,00
2	1.664.490,00	525.775,00
3	1.664.367,00	525.754,00
4	1.664.367,00	525.595,00
5	1.664.381,20	525.620,72
6	1.664.383,36	525.629,30
7	1.664.383,76	525.644,56
8	1.664.394,48	525.638,80
9	1.664.427,80	525.642,08
Diện tích: 1,5 ha		

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
Tại mỏ đá thôn Đăk Poi, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum
(Kèm theo Quyết định số: 196 /QĐ-UBND
ngày 09 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu trung bình của khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)
I. Đá làm vật liệu xây dựng thông thường			
1	K1-121	Coste +680 m	237.000
2	K2-122	Coste +680 m	142.500
Tổng trữ lượng: 379.500 m³			
II. Đất phủ			
1	121	Coste +675 m	130.456,9
Trữ lượng: 130.456,9 m³			